

THỰC TRẠNG TỬ VONG DO TAI NẠN GIAO THÔNG ĐƯỢC GHI NHẬN THÔNG QUA HỆ THỐNG CỦA NGÀNH Y TẾ

DEATH DATA DUE TO ROAD TRAFFIC ACCIDENT FROM THE MEDICAL
SYSTEM RECORD OF HEALTH SECTOR

Lương Mai Anh
Nguyễn Quảng Thúc
Đỗ Thị Điệp
Cục Quản lý Môi trường y tế, Bộ Y tế

TÓM TẮT

Trong nhiều năm qua, tai nạn giao thông (TNGT) vẫn là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong do tai nạn thương tích (TNTT) tại Việt Nam. Nhằm đánh giá thực trạng tử vong do tai nạn giao thông tại Việt Nam giai đoạn 2011-2020, Cục Quản lý Môi trường y tế, Bộ Y tế đã tổng hợp và phân tích số liệu báo cáo nguyên nhân tử vong từ sổ theo dõi nguyên nhân tử vong A6-TYT của trên 10.500 xã/phường tại 63 tỉnh/TP trên toàn quốc. Kết quả nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn 2011-2020, trung bình mỗi năm toàn quốc có 15.326 trường hợp tử vong do TNGT chiếm gần 44% so với số tổng số trường hợp tử vong do TNTT chung. Mặc dù số trường hợp tử vong do TNGT có xu hướng giảm trong giai đoạn 2011-2020, nhưng vẫn ở mức cao. Số trường hợp tử vong do TNGT ở nam giới cao gấp 4 lần nữ giới. Nhóm tuổi 20-59 là nhóm có số trường hợp tử vong do TNGT cao nhất với trung bình 11.082 trường hợp/năm. Vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải Miền Trung có số trường hợp tử vong do TNGT cao nhất với 4.047 trường hợp/năm, tuy nhiên vùng có tỷ suất tử vong do TNGT cao nhất là vùng Tây Nguyên với 22,75/100.000 dân. Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước, Bình Thuận là những tỉnh có tỷ suất tử vong do TNGT cao nhất trung bình giai đoạn 2011-2020. Ở trẻ em và vị thành niên (VTN) từ 0-19 tuổi, trung bình mỗi năm có 1.806 trường hợp tử vong do TNGT chiếm tỷ lệ 28-34% so với số trường hợp tử vong trẻ em do TNTT chung. Tỷ suất tử vong do TNGT ở nhóm tuổi 15-19 cao nhất với 19,01/100.000 trẻ. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả khuyến nghị cần tiếp tục tăng cường các biện pháp tổng thể để giảm thiểu tai nạn tai nạn giao thông và tử vong do tai nạn giao thông.

Từ khóa: Tai nạn giao thông, tai nạn thương tích, tỷ suất tử vong, báo cáo tử vong do tai nạn thương tích,

ABSTRACT

For many years, traffic accidents are still the leading cause of death due to injuries in Vietnam. In order to assess the real situation of deaths from traffic accidents in Vietnam in the period 2011-2020, Health Environmental Management Agency, Ministry of Health collected and analyzed all causes of death from A6-TYT death book of over 10,500 communes/wards in 63 provinces/cities in the Whole country.

The study results show that during 2011-2020, there were 15,326 deaths from traffic injury on average each year in the whole country, accounting for nearly 44% of the total of deaths due to injury. Although the number of traffic injury deaths trends to decrease in the period 2011-2020, it is still high. The number of deaths from traffic injury is four times higher in men than in women. The age group 20-59 is the group with the highest number of traffic injury deaths with an average of 11,082 cases per year. Predominant number of deaths related traffic injury occurred in The North Central and Central Coast regions with 4,047 cases/year, however, the regions with the highest injury mortality was the Central Highlands with 22.75/100,000 people. Ba Ria Vung Tau, Binh Phuoc, Binh Thuan provinces had great average mortality rate of traffic injury during 2011-2020. In children and adolescents aged under 0-19 years, there were 1,806 deaths from traffic injury per year, it was accounted 28-34% of the total injury deaths. The injury mortality rate in age group 15-19 was the highest with 19.01/100,000 children. From the study results, the authors recommend that it is necessary to continue to strengthen the overall solutions to reduce traffic accidents and deaths due to traffic accidents.

Keywords: traffic accidents, injuries, mortality rate, death reports and injuries.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tai nạn thương tích là những tổn thương thực thể trên cơ thể người do tác động của năng lượng (bao gồm cơ học, nhiệt, điện hoặc phóng xạ) với những mức độ, tốc độ khác nhau quá sức chịu đựng của cơ thể người. Những năm gần đây, tai nạn thương tích vẫn đang là một trong những nguyên nhân hàng đầu gây tàn tật và tử vong trên thế giới cũng như Việt Nam (1-3). Điều tra quốc gia về TNTT tại Việt Nam năm 2010 cho thấy TNGT là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong do TNTT ở Việt Nam (5). Theo báo cáo của Ủy ban An toàn giao thông quốc gia, tình hình TNGT tại Việt Nam trong những năm gần đây có xu hướng giảm, nhưng vẫn diễn biến phức tạp, số vụ số người chết và bị thương vì tai nạn giao thông vẫn còn ở mức cao (6).

Nhằm đánh giá thực trạng tử vong do tai nạn giao thông ở Việt Nam giai đoạn 2011-2020, từ đó có thể đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp, góp phần giảm tỷ lệ

tử vong do TNGT ở Việt Nam hiện nay, chúng tôi tiến hành nghiên cứu “Thực trạng tử vong do TNGT được ghi nhận thông qua hệ thống của Ngành Y tế”.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu là thông tin về các trường hợp tử vong do tai nạn giao thông được ghi nhận tại Trạm Y tế các xã/phường thuộc 63 tỉnh/TP trên toàn quốc trong giai đoạn 2011-2020 (Sổ ghi chép nguyên nhân tử vong A6-TYT).

2.2. Thời gian và địa điểm nghiên cứu

a. Thời gian nghiên cứu: Phân tích và hoàn thiện báo cáo năm 2023

b. Địa điểm nghiên cứu: Nghiên cứu được tiến hành tại 63 tỉnh/TP trên toàn quốc.

2.3. Thiết kế nghiên cứu: Cắt ngang mô tả, sử dụng số liệu thứ cấp

2.4 Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu: Toàn bộ các trường hợp tử vong do TNGT trên toàn quốc được ghi nhận thông qua Trạm Y tế của trên 10.500 xã/phường trên toàn quốc.

2.5. Nội dung và chỉ số nghiên cứu:

Xác định tỷ lệ tử vong do TNGT/tử vong do TNTT chung.

Tính toán tỷ suất tử vong do TNGT theo vùng, nhóm tuổi, giới tính, tỉnh/TP.

Số liệu dân số của huyện được tính theo tổng dân số của các xã có báo cáo. Dân số của tỉnh bằng tổng dân số của các huyện có báo cáo. Với xã/phường không báo cáo dân số, dân số xã/phường = tổng số tử vong của xã/tỷ lệ tử vong ước tính.

2.6 Xử lý và phân tích số liệu

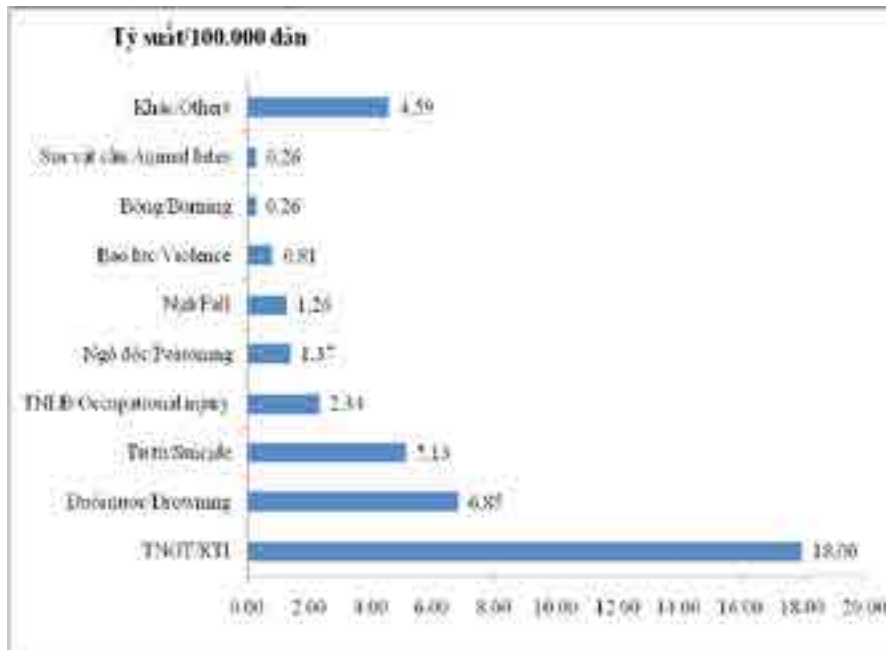
Số liệu được nhập bằng phần mềm excel, mã hóa và làm sạch theo hướng dẫn ghi chép, báo cáo TNTT của Bộ Y tế. Số liệu được phân tích thông qua sử dụng phần mềm SPSS.

2.7. Đạo đức nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng các số liệu được cung cấp theo hệ thống báo cáo thống kê nguyên nhân tử vong A6-TYT (hệ thống ghi nhận của Bộ Y tế) được sự chấp thuận của chính quyền địa phương. Nhóm tác giả chỉ sử dụng các dữ liệu với mục đích nghiên cứu và kỳ vọng đưa ra các khuyến nghị tích cực góp phần giảm thiểu gánh nặng do TNTT nói chung và TNGT tại Việt Nam hiện nay.

3. KẾT QUẢ

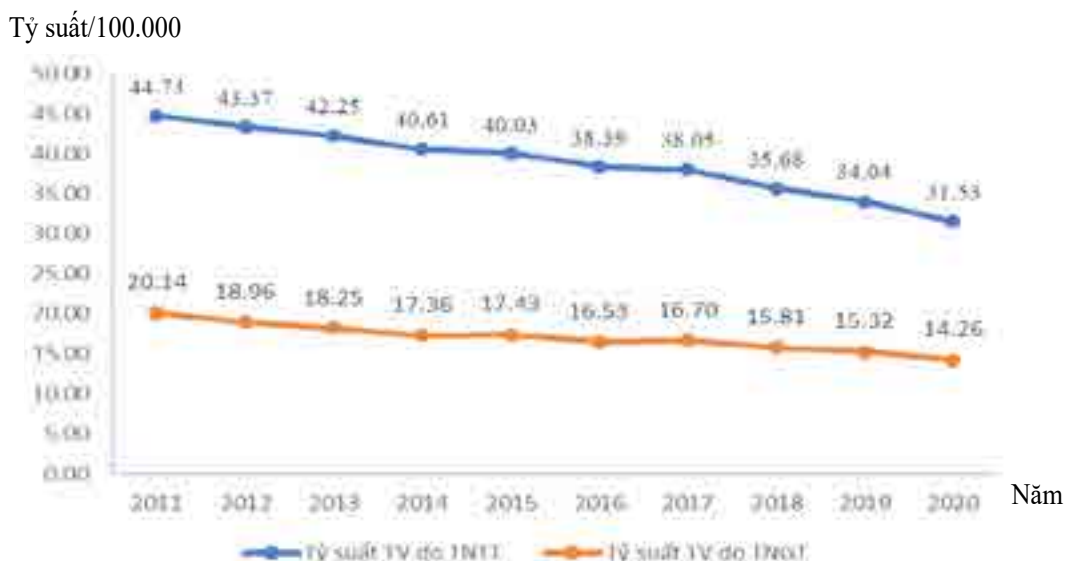
3.1. Nguyên nhân tử vong do tai nạn thương tích giai đoạn 2011-2020



Hình 1. Tỷ suất tử vong do TNGT theo nguyên nhân giai đoạn 2011-2020

Thống kê trong giai đoạn 2011-2020, trong các nguyên nhân tử vong do tai nạn thương tích thì tai nạn giao thông có tỷ suất tử vong cao nhất (trung bình gần 18 người/100.000 dân), tiếp theo là đuối nước và tự tử với trung bình 6,85 người/100.000 dân. Tỷ suất tử vong do tai nạn giao thông cao gấp 3 lần so với đuối nước và tự tử, cao gấp 8 lần so với tai nạn lao động và 10 - 20 lần so với các loại thương tích khác.

3.2. Tình hình tử vong do tai nạn giao thông giai đoạn 2011-2020



Hình 2. Xu hướng tử vong do tai nạn giao thông giai đoạn 2011-2020

Thống kê cho thấy, tỷ suất tử vong do tai nạn giao thông và tỷ suất tử vong do tai nạn thương tích chung có xu hướng giảm từ năm 2011 đến năm 2020, tuy nhiên vẫn do động ở mức cao (từ 14-20 người/100.000 người).

3.3. Tử vong do tai nạn giao thông theo nhóm tuổi và giới

Bảng 1. Phân bố tử vong do tai nạn giao thông theo nhóm tuổi và giới trung bình giai đoạn 2011-2020

Nhóm tuổi	Số trường hợp/năm			Tỷ suất/100.000 người		
	Chung	Nam	Nữ	Chung	Nam	Nữ
0 đến 4	142	89	52	1,91	2,39	1,43
5 đến 14	348	222	125	2,41	3,06	1,75
15 đến 19	1.317	958	229	19,01	31,34	6,62
20 đến 59	11.082	8.202	1.639	21,67	36,34	7,20
Trên 60	2.438	1.375	810	25,04	32,82	18,07
Tổng	15.326	10.847	2.855	17,08	27,23	7,03

Qua thống kê cho thấy, trung bình mỗi năm có khoảng 15.326 trường hợp tử vong do tai nạn giao thông (tỷ suất 17,08/100.000 dân), trong đó chủ yếu là nam giới với 10.847 trường hợp (chiếm tỷ lệ 70,71%), số trường hợp tử vong do tai nạn giao thông ở nam giới gấp 4 lần nữ giới.

Về nhóm tuổi, nhóm tuổi 20-59 chiếm tỷ lệ tử vong do tai nạn giao thông cao nhất (72,31%) với 11.082 trường hợp, tiếp theo là nhóm trên 60 tuổi (15,91%). Nhóm 15-19 (8,59%), thấp nhất là nhóm 0-4 tuổi (0,92%).

Về tỷ suất tử vong do TNGT theo nhóm tuổi, nhóm trên 60 có tỷ suất tử vong do TNGT cao nhất (25,04/100.000 dân), tiếp theo là nhóm 20-59 (21,67/100.000 dân), nhóm 15-19 (19,01/100.000 dân). Thấp nhất là nhóm 0-4 với 1,43/100.000 dân.

3.4. Tình hình tử vong do tai nạn giao thông tại các vùng sinh thái

Bảng 2. Phân bố tử vong do tai nạn giao thông theo vùng sinh thái trung bình giai đoạn 2011-2020

Vùng	Trung bình		
	Số trường hợp tử vong do TNGT	Tỷ lệ % so với tử vong do TNTT chung	Tỷ suất/100.000 dân
Toàn quốc	15.326	43,97	17,08
Vùng Đồng bằng sông Hồng	2.907	44,48	13,94
Vùng Trung du và miền núi phía Bắc	2.020	31,27	17,25

Vùng	Trung bình		
	Số trường hợp tử vong do TNGT	Tỷ lệ % so với tử vong do TNTT chung	Tỷ suất/100.000 dân
Vùng Bắc Trung Bộ	4.047	46,13	21,0
Vùng Tây Nguyên	1.248	39,79	22,75
Vùng Đông Nam Bộ	2.290	56,69	15,18
Vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2.814	47,53	16,25

Bảng 2 cho thấy, trung bình mỗi năm có khoảng 15.326 trường hợp tử vong do tai nạn giao thông trên toàn quốc trong giai đoạn 2011-2020, chiếm gần 44% so với tổng số trường hợp tử vong do TNTT ở tất cả các nguyên nhân. Theo vùng sinh thái, vùng Bắc Trung bộ có số trường hợp tử vong do TNGT cao nhất với 4.047 trường hợp/năm (chiếm 26,41%), tiếp theo là vùng Đồng bằng sông Hồng với 2.907 trường hợp/năm, vùng Đồng Bằng Sông cửu Long 2.814 trường hợp/năm. Vùng có số trường hợp tử vong do TNGT thấp nhất là Tây Nguyên với 1.248 trường hợp/năm.

Tính theo tỷ suất/100.000 dân, vùng Tây Nguyên là vùng có tỷ suất tử vong do TNGT cao nhất với 22,75/100.000 dân. Vùng Đồng bằng sông Hồng có tỷ suất tử vong do TNGT thấp nhất với 13,94/100.000 dân.

3.5. Tỷ suất tử vong do tai nạn giao thông theo tỉnh trung bình giai đoạn 2011-2020

Tỉnh/TP	Tỷ suất/100.000 dân	Tỉnh/TP	Tỷ suất/100.000 dân
Bà Rịa Vũng Tàu	28,2	Lâm Đồng	26,0
Bình Phước	28,1	Tây Ninh	25,7
Bình Thuận	27,9	Quảng Trị	25,3
Quảng Bình	26,5	Gia Lai	25,2
Đồng Nai	26,2	Khánh Hoà	24,3

Thống kê giai đoạn 2011-2020 cho thấy, Bà Rịa Vũng Tàu là tỉnh có tỷ suất tử vong do TNGT cao nhất với 28,2 trường hợp/100.000 dân, tiếp theo là Bình Phước, Bình Thuận. Các tỉnh Quảng Bình, Đồng Nai, Lâm Đồng, Tây Ninh, Quảng Trị, Quảng Gia Lai đều có tỷ suất tử vong do TNGT trung bình năm ở mức cao trên 24 trường hợp/100.000 dân.

3.6. Tử vong do tai nạn giao thông ở trẻ em và vị thành niên 0-19 trung bình giai đoạn 2011-2020

Bảng 4. Phân bố tử vong do tai nạn giao thông theo nhóm tuổi ở trẻ em và VTN từ 0-19 tuổi giai đoạn 2011-2020

Nhóm tuổi	Số trường hợp tử vong trung bình/năm	Tỷ suất tử vong trung bình/năm
Tử vong do TNGT chung	15.326	17,08
Tử vong trẻ em và VTN 0-19 tuổi do TNGT	1.806	6,26
Nhóm 0-4 tuổi	142	1,91
Nhóm 5-9 tuổi	152	2,08
Nhóm 10-14 tuổi	195	2,77
Nhóm 15-19 tuổi	1.317	19,01

Bảng 4 cho thấy, trung bình mỗi năm có 1.806 trường hợp trẻ em tử vong do TNGT chiếm 11,8% so với tổng hợp tử vong do TNGT ở tất cả các nhóm tuổi và chiếm tỷ lệ khoảng 31-35% so với tổng số trẻ em tử vong do TNTT. Tỷ suất tử vong do TNGT ở trẻ em trung bình giai đoạn 2011-2020 là 6,26/100.000 trẻ. Trong đó cao nhất là nhóm 15-19 tuổi với 19,01/100.000 trẻ. Số trường hợp tử vong do TNGT ở nhóm này cũng chiếm tỷ lệ cao nhất với 73%.

4. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy trong giai đoạn 2011-2020, trung bình mỗi năm cả nước có 15.326 trường hợp tử vong do TNGT (tỷ suất 17,08/100.000 người). Kết quả này tương tự với kết quả điều tra quốc gia về tai nạn thương tích tại Việt Nam năm 2010 với tỷ suất tử vong do TNGT là 16,6/100.000 người (4). Tuy nhiên số liệu này cao nhiều hơn so với báo cáo của Ủy ban an toàn giao thông quốc gia với trung bình 8.000 người tử vong do TNGT/năm (5). Sự khác biệt này có thể được lý giải do sự khác nhau về định nghĩa trường hợp. Ngành y tế định nghĩa trường hợp tử vong do TNGT là những trường hợp bị tai nạn giao thông tử vong trong vòng 30 ngày sau khi xảy ra tai nạn. Ủy ban an toàn giao thông quốc gia báo cáo các trường hợp tử vong do TNGT theo số liệu của Bộ Công an và hầu hết các trường hợp tử vong do TNGT được ghi nhận tại hiện trường.

Về số trường hợp tử vong do TNGT ở nam cao hơn 4 lần so với nữ giới. Kết quả này tương đồng kết quả nghiên cứu giai đoạn 2005-2009 của Cục Quản lý Môi trường y tế (6). Theo nhóm tác giả, điều này có thể có thể lý giải do liên quan đến việc sử dụng rượu bia khi tham gia giao thông ở nam giới phổ biến hơn. Bên cạnh đó, xuất phát từ đặc điểm tâm sinh lý của nam giới, thông thường họ lái xe với tốc độ cao hơn nhưng độ thận trọng lại kém hơn nữ giới.

Tỷ suất tử vong do TNGT ở trẻ em có xu hướng tăng lên theo từng độ tuổi, trong đó nhóm tuổi 15-19 tuổi có số trường hợp và tỷ suất tử vong do TNGT cao nhất (19,01/100.000 trẻ), điều này có thể lý giải bởi trẻ ở độ tuổi này phải thường xuyên tham gia giao thông và cũng đã tự điều khiển phương tiện giao thông trong các hoạt động vui chơi và học tập hàng ngày dẫn đến nguy cơ bị tai nạn giao thông và tử vong do TNGT cao hơn so với trẻ ở những lứa tuổi nhỏ hơn.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu cho thấy giai đoạn 2011-2020, trung bình mỗi năm toàn quốc có 15.326 trường hợp tử vong do TNGT chiếm 44% so với số tổng số trường hợp tử vong do TNTT chung. Số trường hợp tử vong do TNGT ở nam giới cao gấp 4 lần nữ giới. Nhóm tuổi 20-59 là nhóm có số trường hợp tử vong do TNGT cao nhất với trung bình 10.847 trường hợp/năm. Vùng Bắc Trung Bộ có số trường hợp tử vong do TNGT cao nhất với 4.047 trường hợp/năm. Bà Rịa Vũng Tàu là địa phương có tỷ suất tử vong do TNGT cao nhất trung bình giai đoạn 2011-2020. Ở trẻ em và vị thành niên (VTN) từ 0-19 tuổi, trung bình mỗi năm có 1.806 trường hợp tử vong do TNGT chiếm tỷ lệ 31-35% so với số trường hợp tử vong trẻ em do TNTT chung. Tỷ suất tử vong do TNGT ở nhóm tuổi 15-19 cao nhất với 19,01/100.000 trẻ. Từ kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả đưa ra khuyến nghị cần tiếp tục tăng cường các biện pháp tổng thể để giảm thiểu tai nạn giao thông và tử vong do tai nạn giao thông. Bên cạnh đó, cần có các nghiên cứu sâu hơn về các yếu tố nguy cơ gây tai nạn giao thông, từ đó đề xuất các giải pháp can thiệp phù hợp.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization.** *Global burden of disease, 2004.*
2. **World Health Organization,** *Global report on child injury, 2008*
3. **World Health Organization.** *Data system, 2010*
4. **Trường Đại học Y tế công cộng.** *Điều tra quốc gia về tai nạn thương tích năm 2010.*
5. **Ủy ban an toàn giao thông quốc gia,** *Hội nghị trực tuyến tổng kết 5 năm thực hiện phong trào thi đua đảm bảo trật tự, an toàn giao thông (TTATGT) giai đoạn 2016 - 2020 và Năm an toàn giao thông năm 2020.*
6. **Trần Thị Ngọc Lan, Lương Mai Anh, Khiếu Thị Quỳnh Trang, Trần Đức Phú.** *Nghiên cứu thực trạng tử vong do tai nạn giao thông tại Việt Nam 2005-2009. Tạp chí y học dự phòng 2011; 786, 67-70.*